

# THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGÀNH TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP HUYỆN BÌNH CHÁNH, TP. HỒ CHÍ MINH

PHAN TUẤN ANH\*

*Từ khái niệm và nội dung phát triển bền vững ngành công nghiệp, một khái niệm có ý nghĩa bao hàm cho ngành tiểu thủ công nghiệp, tác giả đã tiến hành phân tích và đánh giá tình hình phát triển không bền vững của các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện Bình Chánh dựa trên 3 yếu tố là: tăng trưởng, lao động và môi trường. Từ đó đưa ra định hướng phát triển bền vững ngành tiểu thủ công nghiệp là trong quy hoạch, phát triển tập trung các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp phải gắn liền với mục tiêu tạo việc làm, đảm bảo an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và công nghiệp hóa-hiện đại hóa nông thôn. Đặc biệt, ưu tiên phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp có khả năng làm nền tảng cho ngành công nghiệp phụ trợ.*

*Từ khóa: phát triển bền vững, tiểu thủ công nghiệp, huyện Bình Chánh, TPHCM*

*Nhận bài ngày: 21/8/2017; đưa vào biên tập: 30/8/2017; phản biện: 10/9/2017; duyệt đăng: 17/11/2017*

## 1. KHÁI NIỆM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGÀNH TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP

### 1.1. Khái niệm về phát triển bền vững

Thuật ngữ “phát triển bền vững” (Sustainable Development) lần đầu tiên được sử dụng bởi IUCN (Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên và tài nguyên thiên nhiên quốc tế) vào năm 1980 trong bản *Chiến lược bảo tồn thế giới*. Đến năm 1987 Ủy ban Quốc tế về môi trường và phát triển (WCED) của Liên Hiệp Quốc tiếp tục làm rõ hơn thuật

ngữ này thông qua báo cáo *Tương lai chung của chúng ta*: “phát triển bền vững là sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai...” (Trần Thị Nhung, Võ Dao Chi 2013: 11). Và khái niệm này đã trở thành nền tảng cho nội hàm phát triển bền vững tại *Hội nghị thượng đỉnh thế giới về phát triển bền vững* tổ chức ở Johannesburg năm 2002 như sau: phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa 3 mặt của sự phát triển, gồm: phát triển kinh tế (tăng trưởng kinh tế); phát triển xã hội

\* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

(tiến bộ, công bằng xã hội, xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm) và bảo vệ môi trường (xử lý, khắc phục ô nhiễm, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường, phòng chống cháy rừng, chặt phá rừng, khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên).

## **1.2. Phát triển tiêu thủ công nghiệp bền vững**

Hiện tại, chưa có một định nghĩa nào cụ thể về phát triển bền vững ngành tiểu thủ công nghiệp (TTCN), nhưng là một bộ phận, là một lĩnh vực đặc thù của ngành công nghiệp do đó khái niệm về phát triển bền vững công nghiệp cũng bao hàm cho tiểu thủ công nghiệp. Khái niệm đầu tiên về phát triển bền vững công nghiệp (Ecological Industrial Sustainable Development) được đưa ra vào năm 1980 như sau: “phát triển bền vững công nghiệp là một cách tiếp cận đối với phát triển công nghiệp, cho phép giải quyết hài hòa giữa tăng dân số, tăng trưởng công nghiệp và bảo vệ môi trường” (Nguyễn Hải Bắc 2010: 16). Đến năm 1991, tại Hội nghị Copenhagen (Đan Mạch), từ khái niệm này, phát triển bền vững công nghiệp đã được cụ thể hóa là các mô hình công nghiệp hóa hướng vào lợi ích kinh tế xã hội của thế hệ hiện tại và các thế hệ sau mà không để lại hậu quả về môi trường. Ví dụ như các mô hình kinh tế xanh, công nghiệp xanh hay khu công nghiệp xanh... Điều này cho thấy, để phát triển công nghiệp bền vững thì lợi ích kinh tế không chỉ

tính đến trong hiện tại mà còn cần phải được giữ vững và phát triển trong tương lai. Rõ ràng, sự phát triển sẽ không thể bền vững nếu không tạo ra được năng lực đáp ứng hiện tại, cũng như duy trì tăng trưởng nhưng gây ra các hậu quả cho môi trường và sinh thái tự nhiên. Từ đó, một số tiêu chí cụ thể nhằm phát triển bền vững công nghiệp đã được đưa ra như sau:

- Bảo vệ năng lực sinh thái.
- Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực con người, nguyên vật liệu và năng lượng.
- Công bằng trong chia sẻ gánh nặng về môi trường, xã hội và các thành quả công nghiệp hóa.

Từ khái niệm trên, tác giả cho rằng phát triển tiêu thủ công nghiệp bền vững là phát triển các ngành nghề tiểu công nghiệp một cách ổn định, lâu dài trên cơ sở đảm bảo cân bằng giữa tăng trưởng, các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường. Điều này có nghĩa là nếu sản xuất trước đây chỉ tập trung vào mục tiêu là sản phẩm và lợi nhuận thì bây giờ phải cân nhắc nhiều hơn đến vấn đề lao động, việc làm, phát thải và ô nhiễm, cố gắng tìm kiếm phương thức sản xuất mới thân thiện với môi trường. Việc phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp ngày nay cần được xem xét toàn diện hơn trên các khía cạnh kinh tế, môi trường và xã hội, bởi nếu không nó sẽ ảnh hưởng đến tương lai lâu dài của các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp. Trong bài viết của mình, với nội dung đánh giá thực trạng của TTCN huyện

Bình Chánh đặt trong yêu cầu phát triển bền vững, tác giả sẽ quan tâm đến 3 yếu tố như sau: với yếu tố kinh tế, tác giả quan tâm đến nội dung quy mô và tốc độ tăng trưởng; với yếu tố xã hội là vấn đề lao động và việc làm, còn với yếu tố môi trường là vấn đề xử lý và khắc phục ô nhiễm môi trường.

Bài viết được thực hiện dựa trên kết quả thực hiện đề tài cơ sở năm 2017 “*Khả năng phát triển ngành tiểu thủ công nghiệp huyện Bình Chánh trong bối cảnh phát triển bền vững của TPHCM*” do tác giả làm chủ nhiệm. Đề tài đã tiến hành khảo sát, phỏng vấn sâu ở 3 xã tập trung nhiều các cơ sở TTCN của huyện Bình Chánh là Lê Minh Xuân, Vĩnh Lộc A, Tân Nhựt. Số lượng các cơ sở phỏng vấn sâu là 14 hộ, bao gồm các ngành nghề như: xe nhang; tái chế kim loại, cao su; nhuộm; sản xuất thiết bị điện; xi mạ và cơ khí. Đồng thời, đề tài cũng đã tiến hành phỏng vấn nhóm lao động (gồm 5 người) làm trong ngành tái chế phế liệu. Bên cạnh trích dẫn các thông tin định tính từ các cuộc phỏng vấn sâu, bài viết dựa trên số liệu thống kê về ngành công nghiệp - TTCN của huyện Bình Chánh năm 2015 từ Cục Thống kê TPHCM mà đề tài đã thu thập được để mô tả và phân tích về thực trạng phát triển TTCN của huyện Bình Chánh trong những năm qua.

## **2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP CỦA HUYỆN BÌNH CHÁNH**

### **2.1. Kinh tế-xã hội huyện Bình Chánh**

Với vị trí là cửa ngõ phía tây - tây nam của TPHCM, cách trung tâm khoảng 15km, có tổng diện tích là 252,69km<sup>2</sup>, chia ra thành 16 xã, thị trấn, Bình Chánh có các trục đường giao thông quan trọng như Quốc lộ 1A, đường Trần Văn Giàu, đường Nguyễn Văn Linh, Quốc lộ 50 và đặc biệt là đường cao tốc Sài Gòn - Trung Lương, Bình Chánh trở thành cầu nối giao lưu kinh tế, giao thương đường bộ giữa vùng Đồng bằng sông Cửu Long với vùng Đông Nam Bộ và các khu công nghiệp trọng điểm ở phía Nam. Ngoài ra, Bình Chánh còn là một địa bàn quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế cũng như an ninh quốc phòng bảo vệ thành phố.

Theo số liệu của Cục Thống kê TPHCM năm 2015, dân số trung bình của huyện là 591.451 người, chiếm 7,17% dân số toàn thành phố. Mật độ dân số trung bình của huyện vào khoảng 2.341 người/km<sup>2</sup>, tuy nhiên dân cư phân bố không đều, tập trung đông nhất ở một số xã như: Bình Hưng, Tân Kiên, Vĩnh Lộc B. Với tốc độ đô thị hóa nhanh và rộng của TPHCM cùng với sự chuyển dịch kinh tế theo hướng phi nông nghiệp, Bình Chánh đã thu hút một lượng không nhỏ người dân đến nhập cư. Hiện nay, tỷ lệ dân cư trong độ tuổi lao động của huyện chiếm tỷ trọng lớn (71,33% tổng dân số).

Trong những năm qua, cơ cấu kinh tế huyện Bình Chánh chuyển dịch theo hướng công nghiệp - thương mại, dịch vụ - nông nghiệp. Theo Báo cáo

*tình hình kinh tế - xã hội của huyện Bình Chánh* năm 2013 thì cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp chỉ còn 3,99%; thương mại-dịch vụ gia tăng và chiếm tỷ trọng là 16,98%, ngành công nghiệp chiếm tỷ trọng cao nhất là 79,03%, đồng thời tăng 22,8% giá trị sản xuất công nghiệp so với năm 2012. Vì vậy, số lượng lao động của huyện hiện nay trong ngành nông nghiệp ngày một giảm, ngược lại lao động trong lĩnh vực dịch vụ-thương mại và công nghiệp ngày một tăng nhanh.

Bên cạnh đó, quá trình xây dựng nông thôn mới của huyện Bình Chánh những năm qua đã đạt nhiều kết quả khả quan. Trong đó, xã Tân Nhựt đã cơ bản thành hoàn 19/19 tiêu chí; 13 xã còn lại đạt từ 10 đến 14 tiêu chí; 13/16 trạm y tế đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất; đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Thu nhập bình quân đầu người từ 38 triệu đồng/người vào năm 2010 lên 41,9 triệu đồng vào năm 2013. Đến nay, có 13 xã hoàn thành kế hoạch nâng mức thu nhập hộ nghèo trên 12 triệu đồng/người/năm; có 5 xã cơ bản hoàn thành Chương trình mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 3, sớm hơn 3 năm so với kế hoạch. Phong trào xây dựng đời sống văn hóa tại các khu dân cư đạt được nhiều kết quả tốt và gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hóa ngày càng tăng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả nêu trên, huyện Bình Chánh đang phải đối mặt với những vấn đề như sau: những bất cập trong quản lý đất đai; thu hút đầu tư chưa tương xứng

với tiềm năng của huyện; một bộ phận nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu; hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội chưa đáp ứng quá trình đô thị hóa; vẫn còn tình trạng ô nhiễm môi trường trong và ngoài KCN.

## **2.2. Tình hình phát triển tiểu thủ công nghiệp huyện Bình Chánh**

### *2.2.1. Quy mô và tốc độ tăng trưởng*

Ngoài một số nghề thủ công như: xe nhang, làm hủ tiếu, thì phần lớn các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp ở huyện Bình Chánh là các nghề: xi mạ; sản xuất gia công cơ khí, tái chế kim loại, phế liệu, in ấn, nhuộm, thuộc da, sản xuất sản phẩm từ cao su, nấu thủy tinh... Các cơ sở này chủ yếu tập trung ở cụm tiểu thủ công nghiệp Lê Minh Xuân và các xã Vĩnh Lộc A, Vĩnh Lộc B, Tân Nhựt và Lê Minh Xuân. Theo Quyết định số 4999/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân TPHCM năm 2005, cụm tiểu thủ công nghiệp Lê Minh Xuân được thành lập để tiếp nhận các cơ sở sản xuất ô nhiễm môi trường di dời từ nội thành. Hiện nay trong cụm tiểu thủ công nghiệp có tổng cộng 127 cơ sở và doanh nghiệp tư nhân, bao gồm các nghề gây ô nhiễm, như: cơ khí, gia công cơ khí, nấu đúc gang, nhôm, chì, đồng, xi mạ, gia công cơ khí, nhuộm, thuộc da, nấu thủy tinh, bao bì giấy, chế biến các sản phẩm từ cao su. Ngoài ra, còn rất nhiều cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp khác vẫn còn hoạt động xen kẽ ở các khu dân cư. Trong các nghề tiểu thủ công nghiệp thì chỉ có nghề xe nhang được công nhận là làng nghề

và được Thành phố có chính sách ưu tiên hỗ trợ.

Năm 1986, giá trị sản xuất của các khu vực kinh tế ở huyện Bình Chánh ước đạt 496 triệu đồng (giá cố định năm 1982). Trong đó, công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp đạt 227.532.000 đồng chiếm 45,8%; nông - lâm - thủy sản đạt 246.250.000 đồng chiếm 49,6% trong tổng giá trị sản xuất. Số liệu này, cho thấy tỷ trọng của hai khu vực nông - lâm - thủy sản và công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp có sự chênh lệch không đáng kể. Tuy nhiên đến năm 1996, sau 10 năm phát triển, cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện đã có sự thay đổi lớn. Lúc này, giá trị sản xuất công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp của huyện (theo giá cố định năm 1994) đạt 215.593.000 đồng, chiếm 68,2% tổng giá trị sản xuất, còn nông - lâm - thủy sản và thương mại - dịch vụ lần lượt chiếm 26,5% và 5,3%. Như vậy, trong 10 năm (1986-1996), giá trị sản xuất của khu vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (CN-TTCN) tăng lên nhanh chóng và chiếm tỉ lệ cao trong cơ cấu sản xuất (từ 45,8% vào năm 1986 lên 68,2% vào năm 1996) (Nguyễn Tấn Tự 2008). Đến năm 2005, giá trị sản xuất CN-TTCN (theo giá năm 1994) của huyện Bình Chánh là 1.722.650.000 đồng, tăng gần 7 lần so với năm 1996. Theo số liệu của Cục Thống kê TPHCM năm 2015 thì giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá hiện hành) của huyện Bình Chánh là 27.375.100.000 đồng. Điều này cho thấy, tốc độ phát triển công nghiệp trên địa bàn huyện

đã và đang diễn ra nhanh chóng. Nguyên nhân là từ cuối những năm 1990, Thành phố có chủ trương di dời các cơ sở công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp ra các khu vực ngoại thành, nên nhiều khu, cụm công nghiệp mới được xây dựng, trên địa bàn huyện đi vào hoạt động.

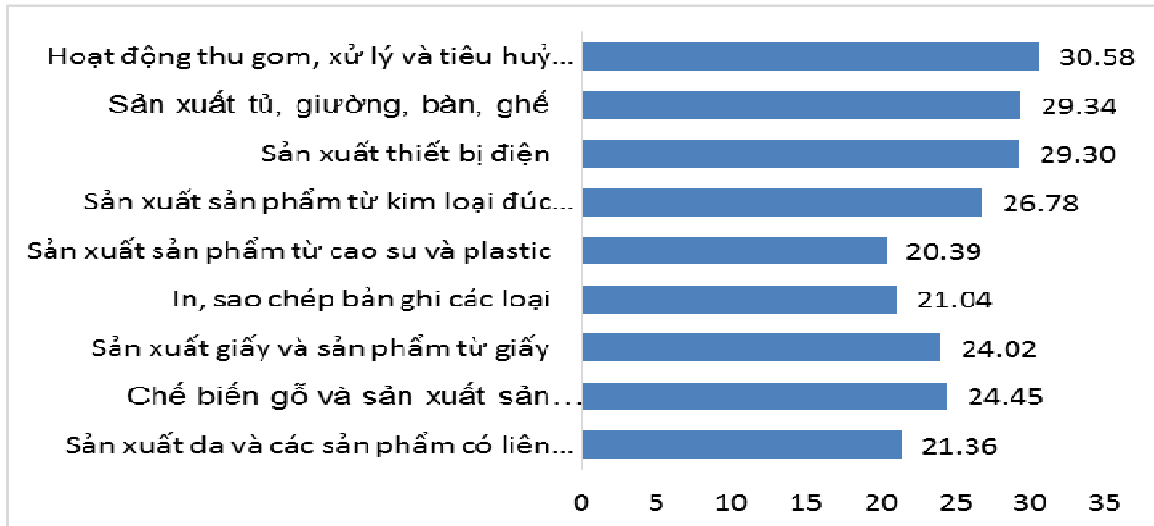
Dựa vào hai Biểu đồ 1 và 2, từ năm 2009 đến năm 2015 chúng ta thấy hầu như giá trị sản xuất của các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp ở cả hai hình thức tư nhân và cá thể đều tăng. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng của khu vực tư nhân thì lại cao hơn khu vực cá thể. Trong đó:

Khu vực tư nhân hoạt động thu gom, xử lý, tiêu hủy rác - tái chế phế liệu cùng với ngành sản xuất tủ giường, bàn ghế và sản xuất thiết bị điện là ba ngành có tốc độ tăng trưởng trung bình vượt trội, cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân của toàn ngành TTCN (25,25%). Ngành có tốc độ tăng trưởng chậm nhất là ngành sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic.

Khu vực cá thể thì ngành in, sao chép bản in các loại là ngành có tốc độ tăng trưởng bình quân thấp nhất. Ngành sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị); hoạt động thu gom, xử lý, tiêu hủy rác - tái chế phế liệu và ngành sản xuất tủ giường, bàn ghế lại là 3 ngành có tốc độ tăng trưởng trung bình cao nhất lần lượt là 26,39%/năm; 24,85%/năm và 24,76%/năm, và cao hơn hẳn mức tăng trưởng bình quân của toàn ngành TTCN (21,57%).

Biểu đồ 1. Tốc độ tăng trưởng trung bình của các ngành TTCN khu vực tư nhân<sup>(\*)</sup> từ năm 2009-2015

Đơn vị: %/năm



<sup>(\*)</sup> Khu vực tư nhân trong ngành TTCN chỉ bao gồm công ty TNHH và doanh nghiệp tư nhân.

*Nguồn:* Tính toán của tác giả từ số liệu thống kê ngành công nghiệp huyện Bình Chánh năm 2015 của Cục Thống kê TPHCM.

Biểu đồ 2. Tốc độ tăng trưởng trung bình của các ngành TTCN cá thể từ năm 2009-2015

Đơn vị: %/năm



*Nguồn:* Tính toán của tác giả từ số liệu thống kê ngành công nghiệp huyện Bình Chánh năm 2015 của Cục Thống kê TPHCM.

Căn cứ vào số liệu của 2 biểu đồ trên và Bảng 1, ta thấy mặc dù, giá trị sản xuất của các ngành TTCN đều tăng, tuy nhiên do tốc độ tăng trưởng trung

bình của đa số các ngành TTCN đều thấp hơn so toàn ngành công nghiệp do đó tỷ lệ đóng góp của các ngành nghề này vào tổng giá trị sản xuất

công nghiệp đang có xu hướng giảm từ năm 2011 cho đến năm 2015. Bảng 1 đã thể hiện mặc dù từ năm 2009 đến năm 2011 các ngành nghề TTCN đóng góp cho giá trị sản xuất toàn ngành ở huyện Bình Chánh không ngừng tăng lên và tỷ lệ đóng góp là

khá cao, đạt đến 37,34% năm 2011. Nhưng cũng bắt đầu từ 2011 cho đến năm 2015 thì tỷ lệ này lại đang có xu hướng giảm, thấp nhất là năm 2014 (33,4%).

Mặt khác, từ Bảng 1 ta thấy trong tất cả các ngành TTCN thì sản xuất sản

Bảng 1. Giá trị sản xuất theo giá hiện hành và tỷ lệ đóng góp của các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp của huyện Bình Chánh từ năm 2009 đến năm 2015

Đơn vị: triệu đồng

Các ngành nghề	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ tủ, giường, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	8,114	11,094	15,132	18,325	24,327	29,444	40,945
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	93,900	124,475	178,282	219,177	286,289	347,676	446,067
In, sao chép bản ghi các loại	7,819	12,031	15,967	20,431	20,756	24,745	32,950
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	1,085,446	1,425,016	1,917,240	2,526,677	2,816,980	3,314,101	4,236,557
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	94,084	123,617	155,576	213,309	286,249	348,966	444,573
Sản xuất tủ, giường, bàn, ghế	133,560	210,398	296,785	343,364	451,905	572,440	691,611
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải, tái chế phế liệu	66.287	126.293	138.520	188.511	237.331	302.796	343.902
Sản xuất thiết bị điện	395.578	544.741	685.321	1.002.063	1.293.344	1.635.415	1.971.676
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	260.556	355.850	534.232	618.818	794.515	972.237	1.175.280
<b>TỔNG</b>	<b>2.145.345</b>	<b>2.933.515</b>	<b>3.937.055</b>	<b>5.150.674</b>	<b>6.211.696</b>	<b>7.547.820</b>	<b>9.383.562</b>
<b>Tỷ lệ % đóng góp trong tổng giá trị sản xuất của toàn ngành CN-TTCN huyện Bình Chánh</b>	<b>35,10</b>	<b>36,23</b>	<b>37,34</b>	<b>36,58</b>	<b>34,15</b>	<b>33,40</b>	<b>34,28</b>

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu ngành công nghiệp huyện Bình Chánh của Cục Thống kê TPHCM năm 2015.

phẩm từ cao su, plastic; ngành sản xuất da và sản phẩm có liên quan và sản xuất thiết bị điện là ba ngành có giá trị sản xuất công nghiệp cao nhất, vượt hơn cả giá trị sản xuất trung bình của ngành CN-TTCN huyện Bình Chánh năm 2015 (977.682 triệu đồng). Tuy nhiên, xét về mặt phát triển thì trừ ngành sản xuất thiết bị điện, hai ngành còn lại đều có tốc độ tăng trưởng trung bình rất thấp. Ngược lại, hoạt động thu gom, xử lý, tiêu hủy rác - tái chế phế liệu; sản xuất tủ giường, bàn ghế; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) là những ngành có tốc độ trung bình khá cao nhưng lại là các ngành có giá trị sản xuất thấp, đặc biệt so với giá trị sản xuất trung bình của toàn ngành là thấp hơn rất nhiều. Điều này cho thấy, sự phát triển TTCN của huyện Bình Chánh trong những năm qua chỉ đang tập trung ở những ngành có giá trị sản xuất thấp. Do đó, mặc dù tất cả những ngành nghề TTCN đều tăng trưởng nhưng tỷ lệ đóng góp của các ngành nghề này trong giá trị sản xuất toàn ngành CN-TTCN đang có xu hướng giảm dần.

### 2.2.2. Lao động và việc làm

Mặc dù là thành phần kinh tế chiếm tỷ lệ cao nhất trong tổng số các cơ sở CN-TTCN, nhưng do số lượng lao động nhỏ nên quy mô lao động trung bình/cơ sở của thành phần này là thấp nhất. Theo tính toán của tác giả từ số liệu lao động trong ngành CN-TTCN phân theo hình thức kinh tế trên địa bàn huyện Bình Chánh của Cục

Thống kê TPHCM thì từ năm 2011 đến năm 2015, quy mô lao động trung bình của hộ cá thể không có sự biến động, vẫn là 5 người/cơ sở. Ngược lại, mặc dù là thành phần kinh tế có quy mô và tăng trưởng lao động cao nhất nhưng số lượng lao động trung bình của các công ty trách nhiệm hữu hạn lại giảm mạnh từ 35 người/cơ sở năm 2009 chỉ còn 27 người/cơ sở năm 2015. Điều này cho thấy, mặc dù có sự gia tăng về số lượng lao động nhưng quy mô các cơ sở lại đang thu hẹp dần. Một phần có thể là do số lượng các cơ sở tăng lên (thành lập mới hoặc di dời từ nội thành), nên cung lao động không đủ đáp ứng dẫn đến quy mô lao động trung bình của các cơ sở đã bị suy giảm. Nguyên nhân khác là vì tính chất công việc nặng nhọc và môi trường ô nhiễm ảnh hưởng đến sức khỏe của các ngành nghề TTCN nên các cơ sở rất khó tuyển dụng lao động.

Theo tính toán của tác giả thì trong khu vực cá thể (Bảng 2), sản xuất da và các sản phẩm có liên quan là nghề có quy mô lao động lớn nhất (18 người/cơ sở) nhưng tốc độ tăng lao động của nghề này lại là thấp nhất. Điều này làm cho quy mô lao động trung bình của các cơ sở này từ 21 người/cơ sở năm 2010 giảm xuống chỉ còn 18 người/cơ sở vào năm 2015. Con số này cho thấy so với các ngành TTCN khác thì nghề này đang có xu hướng thu hẹp sản xuất, rõ nhất là trong khi quy mô lao động của các nghề khác đều có xu hướng tăng thì

sản xuất da và các sản phẩm có liên quan lại giảm rất nhiều ở năm 2014-2015 (183 lao động). Ngược lại, thì nghề sản xuất thiết bị điện có tốc độ tăng lao động trung bình cao nhất: 63,7% và quy mô lao động làm ở các cơ sở này cũng khá cao, 11 người/cơ sở (năm 2015), đứng thứ 2 sau nghề sản xuất da và các sản phẩm có liên quan. Những con số này cho thấy quy mô sản xuất của các cơ sở thuộc da này không chỉ lớn hơn so với các nghề khác mà còn cho thấy khả năng phát triển của ngành trong những năm gần đây. Những ngành còn lại thì hầu hết đều có quy mô lao động bình quân khá thấp, đặc biệt là chế biến gỗ và

sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, rơm rạ, vật liệu tết bện; ngành in, sao chép các bản ghi; sản xuất sản phẩm từ cao su, plastic và sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (chỉ có 2-3 người/cơ sở).

Trình độ lao động: Theo cán bộ Phòng Kinh tế huyện Bình Chánh thì đa số lao động trong các cơ sở TTCN trên địa bàn huyện là người ngoại tỉnh, trình độ học vấn thấp, tỷ lệ học đến cấp 3 là rất ít, phần lớn chỉ biết đọc biết viết. Nguyên nhân là do trình độ sản xuất ở các cơ sở này thấp, tuyển dụng lao động phổ thông là chủ yếu, yêu cầu sức khỏe và siêng năng là chính, còn trình độ học vấn chỉ là phụ.

Bảng 2. Quy mô và tỷ lệ tăng trưởng lao động bình quân của cơ sở sản xuất cá thể phân theo ngành nghề tiểu thủ công nghiệp của huyện Bình Chánh năm 2009 và năm 2015

NGÀNH	Quy mô lao động trung bình (người/cơ sở)		Số lượng lao động của các cơ sở (người)		
	2009	2015	2009	2015	Tỷ lệ tăng trưởng (%)
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	19	18	1.265	1.645	30,04
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ tủ, giường, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	2	2	516	776	50,39
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	7	8	516	821	59,11
In, sao chép bản ghi các loại	3	3	131	192	46,56
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	2	3	1.312	2.045	55,87
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	2	3	1.799	2.758	53,31
Sản xuất thiết bị điện	9	11	377	617	63,47
Sản xuất tủ, giường, bàn, ghế	4	4	357	560	57,03
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải, tái chế phế liệu	4	4	217	308	41,94

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu ngành công nghiệp huyện Bình Chánh năm 2015 của Cục Thống kê TPHCM.

Điển hình trong các ngành như xe nhang, nấu nhôm, xi mạ, tái chế phế liệu và cao su... lao động phần lớn mới học hết cấp 1. Theo chủ cơ sở xe nhang: “làm nhang bây giờ nhẹ nhàng hơn ngày xưa nhiều, cái gì cũng dùng máy hết, thao tác cũng đơn giản, không đòi hỏi sức khỏe hay trình độ gì, ai làm cũng được, phụ nữ hay người lớn tuổi đều làm được” (PV sâu cơ sở xe nhang, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh). Còn các nghề như nấu nhôm, xi mạ hay tái chế thì đòi hỏi người lao động phải có sức khỏe và sức chịu đựng vì thao tác công việc rất nặng nhọc. Cụ thể trong công việc nấu nhôm: 1 công nhân 1 ngày phải khuôn vác 300-400kg nhôm, đứng canh lò nấu nhôm 4-5 tiếng đồng hồ, đồ nhôm đã nấu chảy ra khuôn, do đó lao động trong các ngành này phần lớn là nam. Lao động nữ chỉ chủ yếu làm tạp vụ, phân loại vật liệu hay kế toán.

Về việc làm và sử dụng lao động: công việc trong các cơ sở TTCN phần lớn không chỉ nặng nhọc mà môi trường làm việc còn khá độc hại như tái chế nhôm, sản xuất sản phẩm từ cao su, nhuộm và xi mạ... Và mặc dù làm việc trong môi trường ô nhiễm, có nguy cơ mắc nhiều loại bệnh như vậy, nhưng lao động ở các cơ sở này lại chỉ mang vật dụng bảo hộ lao động thô sơ như găng tay, khẩu trang và giày ống, đồng thời không có bảo hiểm y tế cũng như bảo hiểm xã hội. Đồ bảo hộ lao động một số là do chủ cơ sở trang bị, một số là do lao động tự mua. Việc mang đồ bảo hộ lao

động hoàn toàn là do công nhân tự ý thức và quyết định, chứ cơ sở không có bắt buộc hay quy định để bảo vệ sức khỏe hay phòng tránh tai nạn lao động. Vì vậy, vẫn có sự ỷ y, chủ quan của người lao động trong việc bảo vệ bản thân trong môi trường làm việc ô nhiễm, như không đeo khẩu trang hay găng tay khi phân loại phế liệu, mặc quần ngắn, ở trần khi lao động... Đối với vấn đề người lao động không có BHYT hay BHXH thì theo một số chủ cơ sở do người lao động không đồng ý mua bảo hiểm y tế, vì họ cho rằng nếu mua bảo hiểm y tế thì lương của họ nhận được sẽ ít hơn. Cũng có một số lao động lại cho rằng do chủ cơ sở không mua và họ cũng không có ý kiến hay đòi hỏi gì, bởi lẽ khi xảy ra tai nạn lao động thì người chủ vẫn thăm hỏi và lo tiền chữa chạy. Bên cạnh đó, vì số lượng lao động không nhiều, chủ thường xuyên tiếp xúc với nhân viên, tiền lương đặc biệt là ở trong các ngành ô nhiễm thì khá cao, nên không có sự bất hoà hay mâu thuẫn giữa họ, do đó quan hệ lao động giữa chủ và người làm công trong các cơ sở TTCN là khá tốt, không xảy ra đình công hay mâu thuẫn nặng nề. Có một số cơ sở, do phần lớn lao động là người ngoại tỉnh nên được bố trí ở tại nơi sản xuất, hoặc được cơ sở hỗ trợ chi phí thuê nhà trọ. Thu nhập trung bình của lao động trong sản xuất TTCN dao động trong khoảng 4-7 triệu/tháng, riêng lao động trong nghề nấu nhôm có thể kiếm được 10-15 triệu/tháng. Với mức lương như vậy

cùng với giá cả sinh hoạt ở huyện Bình Chánh cũng vừa phải, người lao động nhập cư có thể sinh sống ổn định.

Nhưng dù thu nhập từ các ngành nghề TTCN không thấp, các cơ sở sản xuất TTCN vẫn gặp rất nhiều khó khăn trong thu hút và ổn định lao động, nguyên nhân là do công việc quá nặng nhọc, ô nhiễm, ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe. Vì vậy, khi được hỏi điều gì đang là khó khăn và trở ngại trong phát triển sản xuất thì phần lớn các chủ cơ sở đều cho rằng nhân công, lao động chính là vấn đề lớn nhất mà họ phải đối mặt.

### 2.2.3. Ô nhiễm môi trường

Như đã đề cập ở trên thì phần lớn các ngành TTCN ở huyện Bình Chánh là các ngành gây ô nhiễm. Hơn nữa, chỉ có hơn 127 cơ sở sản xuất tập trung ở cụm tiểu thủ công nghiệp Lê Minh Xuân, còn lại vẫn còn nằm xen kẽ trong các khu dân cư. Năm 2005, cụm tiểu thủ công nghiệp Lê Minh Xuân được thành lập không chỉ là nơi tiếp nhận các ngành nghề ô nhiễm của huyện Bình Chánh mà còn của các quận nội thành TPHCM. Việc tập trung các cơ sở này vào cụm tiểu thủ công nghiệp là nhằm tạo điều kiện cho công tác quản lý và xử lý vấn đề ô nhiễm thông qua hệ thống xử thải của khu công nghiệp Lê Minh Xuân. Theo báo cáo của Ban Quản lý cụm thì hiện nay, trong cụm có 32 đơn vị phát sinh nước thải sản xuất. Các đơn vị này đã thực hiện tách riêng nước mưa, nước thải và đấu nối vào hệ thống thoát

nước tập trung của khu công nghiệp Lê Minh Xuân theo quy định, trong đó có 30/32 đơn vị có hệ thống xử lý nước thải, 2/32 đơn vị có xử lý nước thải sơ bộ. Phần lớn các đơn vị sản xuất, kinh doanh trong cụm đều thực hiện khá đầy đủ hồ sơ pháp lý về lĩnh vực môi trường. Các đơn vị hoạt động có phát sinh chất thải (nước thải, khí thải) cũng đã xây dựng hệ thống xử lý (đối với nước thải chiếm 100%, khí thải chiếm 97,7%). Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại tình trạng các cơ sở vì tiết kiệm chi phí mà không vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải - khí thải, không hoạt động hoặc hoạt động không hết công suất, việc trang bị hệ thống xử lý còn mang tính hình thức và đối phó. Mặc dù vậy, nhờ vào sự kiểm tra định kỳ của các ban ngành kết hợp với Ban Quản lý cụm công nghiệp, giám định nước thải thường xuyên, có sự đấu nối với hệ thống xử lý nước thải của khu công nghiệp, có công ty chuyên trách thu gom rác thải cũng như việc xử phạt các trường hợp vi phạm, nên đã góp phần giảm thiểu phần nào những ô nhiễm do các cơ sở TTCN gây ra. Ngược lại, những cơ sở sản xuất đang nằm rải rác trong khu dân cư mới là vấn đề đáng lo ngại. Các cơ sở này hầu như ít trang bị các hệ thống xử lý khói bụi, còn nước thải thì được xả trực tiếp xuống cống hay xuống kênh. Ngoài ra, quy mô nhỏ lẻ của các cơ sở đi liền với công nghệ lạc hậu, hoạt động “thô sơ”, như đốt dây đồng để lấy lõi đồng, nấu nhôm đốt bằng củi... dẫn đến khói bụi bay mù mịt gây ô nhiễm không khí nghiêm

trọng. Đặc biệt ở các cơ sở tái chế cao su, dù không có khói bụi hay nước thải công nghiệp, nhưng mùi cao su bốc ra rất nồng khi ép cao su ép thành khối. Theo chủ một cơ sở sản xuất thì mùi này không thể xử lý được. Các cơ sở này không chỉ nằm rải rác trong khu dân cư, trên nhiều địa bàn, mà còn lẫn khuất sâu trong các địa bàn có đường xá đi lại xa xôi, khó khăn, phần nào dẫn đến tình trạng quản lý lỏng lẻo và dễ dãi. Chính vì vậy, đa số các cơ sở này không nghiêm túc trong việc giảm xả thải cũng như đầu tư cho các hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường.

Theo đánh giá của nhiều chủ cơ sở sản xuất, tình hình phát triển của các ngành nghề TTCN huyện Bình Chánh trong những năm qua tuy có những khó khăn nhất định về nguồn cung lao động, giá cả nguyên vật liệu đầu vào nhưng 5 năm tới các ngành nghề này vẫn có thể tiếp tục duy trì tăng trưởng cũng như có nhiều cơ hội phát triển. Một số cơ sở đã không ngừng nghiên cứu, nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao, không chỉ ở thị trường trong nước mà ở cả ngoài nước, nhằm mục tiêu mở rộng thị trường xuất khẩu cho sản phẩm của mình. Hiện nay, sự phát triển của các ngành nghề TTCN ở huyện Bình Chánh là chưa bền vững, do chưa có sự hài hòa giữa mục tiêu kinh tế với vấn đề ô nhiễm môi trường, an sinh xã hội và bảo hộ lao động trong các cơ sở sản xuất. Để ngành nghề TTCN phát triển một cách

phù hợp, bền vững và phát triển thành ngành công nghiệp hỗ trợ trong tương lai, thì cần phải có định hướng cụ thể.

### **3. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP HUYỆN BÌNH CHÁNH GIAI ĐOẠN 2016-2020**

#### **3.1. Những lợi thế và hạn chế của ngành TTCN với mục tiêu phát triển bền vững**

##### *3.1.1. Lợi thế*

Với vị trí địa lý là nằm ở cửa ngõ phía tây của Thành phố, có các trục đường giao thông quan trọng nối liền các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh miền Đông Nam Bộ, Bình Chánh có nhiều cơ hội thuận lợi trong giao thương và thu hút lao động ngoại tỉnh cho ngành tiểu thủ công nghiệp của huyện.

Bình Chánh là nơi sớm phát triển và có truyền thống về TTCN. Bên cạnh nghề xe nhang với lịch sử lâu đời được công nhận là làng nghề truyền thống của TPHCM, thì Bình Chánh còn là địa phương thu hút rất nhiều các nghề TTCN của thành phố trong những năm 1990 và đã đi tiên phong trong lĩnh vực này. Điều đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho Bình Chánh trong việc mở rộng quy mô ngành TTCN với số lượng khá lớn các cơ sở sản xuất bao gồm nhiều ngành nghề tiểu công nghiệp đa dạng.

Về khả năng mở rộng thị trường tiêu thụ, theo ý kiến của cán bộ Phòng Kinh tế huyện Bình Chánh là có tiềm năng: “tiểu thủ công nghiệp vẫn còn

có thể phát triển. Bởi tiểu thủ công nghiệp không phải làm ra sản phẩm gì to lớn mà chính là các linh kiện, phụ kiện hay là vật liệu đầu vào các ngành nghề công nghiệp khác. Mà những sản phẩm này nếu không phải do các ông tiểu thủ công nghiệp này làm thì ai làm, mấy ông lớn đâu ai làm như: cái nắp nhựa, dán bìa giấy,..." (Phòng vấn sâu - Cán bộ Phòng Kinh tế Ủy ban Nhân dân huyện Bình Chánh). Mặc dù các ngành nghề TTCN có quy mô hoạt động không lớn, giá trị sản xuất cũng không cao như các ngành công nghiệp khác nhưng các sản phẩm TTCN vẫn có thị trường của riêng nó. Một số các chủ cơ sở hiện nay vẫn đang mở rộng quy mô sản xuất bằng cách đầu tư máy móc công nghệ mới nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm ô nhiễm môi trường và bảo vệ sức khỏe người lao động. Ví dụ khi có thị trường xuất khẩu, các cơ sở xe nhang phải trang bị thêm máy sấy để sấy nhang trong mùa mưa. Đồng thời, để tăng sản lượng cũng như chất lượng sản phẩm, họ cũng phải trang bị các máy xe nhang loại mới, không ngừng nghiên cứu, tìm tòi những công thức trong pha chế mùi; pha chế keo và bột để đáp ứng nhu cầu của khách hàng về mùi hương, tốc độ cháy và lượng khói.

Hiện nay, cụm TTCN Lê Minh Xuân (xây dựng trước đây) đã lấp đầy, nhưng diện tích quỹ đất nông nghiệp dự trữ của huyện còn khá lớn. Đó chính là điều kiện thuận lợi để Bình Chánh tiến hành quy hoạch các cụm

TTCN mới, nhằm tập trung các cơ sở tiểu thủ công nghiệp vẫn còn nằm trong khu dân cư trên địa bàn huyện và xử lý các vấn đề ô nhiễm hiện nay.

### 3.1.2. Hạn chế và khó khăn

Bên cạnh các lợi thế đã nêu, ngành TTCN vẫn đang gặp phải nhiều khó khăn và hạn chế trong quá trình phát triển bền vững. Để có thể gia tăng giá trị sản xuất, các chủ cơ sở TTCN phải tìm cách nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Tuy nhiên, thực trạng thiếu hụt lao động thường xuyên và nhân công làm việc không ổn định đã khiến các cơ sở này gặp nhiều trở ngại. Đặc biệt là các cơ sở nằm ngoài cụm công nghiệp, xa khu dân cư. Bởi lẽ lao động địa phương không muốn làm các nghề TTCN do công việc quá nặng nhọc và dễ gây hại đến sức khỏe. Đa số các cơ sở sản xuất chỉ tuyển được lao động ngoại tỉnh, trong đó người dân tộc có trình độ học vấn thấp chiếm tỷ lệ không nhỏ. Và lao động này thì chủ cơ sở cũng rất khó khăn trong việc đào tạo và giữ chân họ. Vì vậy, việc duy trì hay mở rộng quy mô sản xuất gặp nhiều trở ngại.

Bên cạnh vấn đề lao động, thì giá cả thu mua nguyên liệu là khó khăn thứ hai của các cơ sở TTCN. Chất lượng của nguyên liệu đầu vào hiện nay được các cơ sở đánh giá là không bằng ngày xưa và cũng khó mua hơn. Ví dụ như đối với nghề xe nhang thì chất lượng của tre, bột gỗ và keo ngày càng giảm, đòi hỏi người làm nghề phải không ngừng học hỏi, đúc kết kinh nghiệm để giữ được chất

lượng của sản phẩm. Nghề nấu đúc nhôm do có sự thu mua ngày càng nhiều của thương nhân Trung Quốc và Hàn Quốc nên giá cả đầu vào ngày càng cao và không ổn định. Một chủ cơ sở cho biết, trong cuộc cạnh tranh về giá cả lúc nào họ cũng là người chịu thiệt, vì các cơ sở và doanh nghiệp của Trung Quốc và Hàn Quốc đều rất mạnh về vốn nên thu mua với số lượng rất lớn. Trước đây, họ chỉ thu mua trong một khoảng thời gian cố định nhưng hiện nay họ mua quanh năm và liên tục, khiến cho vật liệu ngày càng khan hiếm, giá cả ngày càng tăng cao. Trong hoàn cảnh đó, các cơ sở nấu đúc nhôm không dám nhận thêm đơn đặt hàng vì sợ không đủ nguyên liệu làm ra sản phẩm.

Bên cạnh khó khăn nội tại của các cơ sở sản xuất kinh doanh thì công tác quản lý nhà nước đối với ngành TTCN trên địa bàn huyện Bình Chánh thời gian qua cũng có nhiều hạn chế do các cơ sở sản xuất TTCN phần lớn không hình thành theo cụm mà nằm rải rác trên các tuyến đường trong địa bàn huyện. Thêm nữa, giá đất hiện nay đang tăng vọt khiến cho việc quy hoạch các cụm tiểu thủ công nghiệp và di dời các cơ sở vào trong cụm không dễ dàng. Giá đất tăng dẫn đến giá đền bù giải tỏa tăng nhưng giá cho thuê trong cụm lại không thể tăng cao như giá thị trường nên khó thu hút được các nhà đầu tư vào việc xây dựng cụm. Mặt khác, việc thuê đất trong cụm tiểu thủ công nghiệp là phải thuê dài hạn và số tiền phải trả trong 1 lần trong khi cơ sở TTCN đa số có

quy mô nhỏ, nên khó có thể thuê nổi. Hiện nay, một cơ sở ở xã Vĩnh Lộc A có diện tích nhà xưởng 3.000m<sup>2</sup> phải trả tiền thuê mặt bằng 60 triệu/tháng, nhưng cũng với diện tích đó mà thuê trong cụm tiểu thủ công nghiệp Lê Minh Xuân thì số tiền chỉ có 13,75 triệu/tháng. Tuy nhiên, muốn được thuê lâu dài (40 năm), chủ cơ sở phải bỏ ra số tiền 1 lần là 6,6 tỷ đồng. Vì vậy, nếu tính theo giá thuê mỗi tháng thì giá trong cụm sẽ rẻ hơn rất nhiều, nhưng vì số tiền thuê phải trả trong 1 lần nên các chủ cơ sở sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong việc xoay nguồn vốn. Vì vậy, việc kêu gọi đầu tư cho cụm TTCN đã khó, kêu gọi các cơ sở di dời vào cụm lại càng khó hơn. Cho nên nếu Thành phố không có chính sách hỗ trợ đất hay giá thuê thì đây sẽ là trở ngại không nhỏ cho việc quy hoạch phát triển tập trung các ngành nghề TTCN ở huyện Bình Chánh.

Quy hoạch gặp khó khăn dẫn đến quản lý ô nhiễm môi trường trở thành một thách thức. Sự manh mún, nhỏ lẻ của các cơ sở TTCN gần như là căn nguyên gây ô nhiễm. Nhiều chủ cơ sở chấp nhận bị phạt vì gây ô nhiễm rồi tái phạm còn hơn là đầu tư công nghệ xử lý nước thải, khí thải do việc đầu tư này đắt đỏ hơn. Các cơ sở trong cụm TTCN tuy đều lắp thiết bị xử lý ô nhiễm nhưng không thường xuyên vận hành do chi phí điện, nước cao nên tình trạng ô nhiễm không khí, nước thải chưa được xử lý triệt để.

### **3.2. Đề xuất về hướng phát triển bền vững tiểu thủ công nghiệp huyện Bình Chánh giai đoạn 2016-2020**

Thông qua những phân tích về thực trạng, cơ hội và thách thức như trên, tác giả cho rằng trong giai đoạn 2016-2020 phát triển TTCN ở Bình Chánh phải gắn với mục tiêu tạo việc làm, đảm bảo an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và công nghiệp hóa-hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Tập trung phát triển các ngành nghề TTCN có khả năng làm nền tảng cho ngành công nghiệp phụ trợ, như: gia công cơ khí; nấu đúc kim loại; tái chế phế liệu, cao su; bao bì giấy. Bên cạnh đó, vẫn tiếp tục duy trì làng nghề xe nhang truyền thống (như Quyết định số 3891/QĐ-UBND ngày 17/7/2013 về phê duyệt đề án “Bảo tồn và phát triển làng nghề tại TPHCM giai đoạn 2013-2015 định hướng đến năm 2020”). Bởi lẽ các cơ sở xe nhang hiện nay vẫn đang hoạt động khá ổn định, tạo được thu nhập cho các lao động nhân rỗi của địa phương; đồng thời, có một số cơ sở chuyên về xuất khẩu nhang đang có hướng phát triển tốt, đáp ứng được các yêu cầu khắt khe của các thị trường nước ngoài như Ấn Độ, Malaysia...

Tuy nhiên, việc phát triển các nghề TTCN cần phải đi theo hướng phát triển tập trung, không để tình trạng các cơ sở nằm xen kẽ trong các khu dân cư. Cụm TTCN Lê Minh Xuân đã được lấp đầy nên cần phải thiếp lập các cụm TTCN mới nhằm thu hút và di dời các cơ sở TTCN của huyện Bình Chánh và các quận nội thành của TPHCM. Thời gian qua, dù còn những bất cập về môi trường nhưng

cụm TTCN đã góp phần đáng kể trong việc giảm thiểu nguy cơ lan toả ô nhiễm. Trong định hướng phát triển tập trung các cơ sở TTCN, không nên chú trọng xây dựng các khu công nghiệp, vì các cơ sở TTCN đa số là hộ cá thể hoặc là công ty nhỏ, nhu cầu diện tích mặt bằng cũng như quy mô vốn không lớn như các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nên chỉ cần xây dựng các cụm TTCN, như vậy giá cả cũng như yêu cầu về diện tích mặt bằng sẽ phù hợp hơn. Việc tập trung các ngành nghề TTCN vào trong cụm sẽ tạo thuận lợi cho việc đầu tư hệ thống xử lý chất thải, nước thải và không khí ô nhiễm từ các cơ sở này.

Việc phát triển ngành TTCN cũng cần dựa trên sự liên kết công nghiệp bền vững: hình thành các liên kết theo ngành, lĩnh vực hay liên kết trao đổi chất thải... Theo đó, các cơ sở TTCN có thể liên kết với các nhà máy sản xuất ở trong cùng cụm TTCN hay các KCN lân cận để có thể tận dụng nguồn nguyên vật liệu hay mở rộng thị trường gia công sản phẩm. Ngoài ra, các cơ sở TTCN có thể liên kết với nhau trong việc thu mua nguyên liệu. Vì với hạn chế là quy mô nhỏ, các chỉ mua nhỏ lẻ theo đơn đặt hàng qua mối quen nên dễ bị thiệt khi thương nhân Trung Quốc, Hàn Quốc thu mua với số lượng lớn. Do đó, để có thể ổn định giá cả cũng như nguồn nguyên liệu đầu vào thì cần phải hình thành liên kết giữa các cơ sở trong cùng ngành nghề để có thể cạnh tranh

trong việc thu mua nguyên liệu, đặc biệt là các ngành nấu đúc kim loại.

Đầu tư, đổi mới công nghệ cũng như máy móc và kỹ thuật cũng là định hướng phát triển bền vững cho các ngành nghề TTCN. Việc sử dụng máy móc cũng như các kỹ thuật mới sẽ góp phần giảm thiểu việc gây ô nhiễm môi trường, nhu cầu về lao động phổ thông cũng giảm, thay vào đó sẽ là nhu cầu cải thiện trình độ của người lao động và năng suất cũng như chất lượng sản phẩm mới được nâng cao, hướng đến mở rộng quy mô sản xuất và xuất khẩu.

### **KẾT LUẬN**

TTCN không chỉ đóng một vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế mà nó

còn tồn tại song song như một bộ phận không thể tách rời với sự phát triển của huyện Bình Chánh. Tuy nhiên, do đặc điểm là quy mô nhỏ lẻ, trình độ sản xuất lạc hậu và hạn chế về vốn nên TTCN trong quá trình phát triển phải đối mặt với nhiều thách thức về vấn đề bảo vệ môi trường, nguyên vật liệu đầu vào, chất lượng và năng suất lao động... Vì vậy, chính quyền cần xác định hướng phát triển bền vững và chính sách hỗ trợ ngành TTCN. Có như vậy thì TTCN mới có thể phát huy vai trò trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện Bình Chánh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần hoàn thành chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. □

### **TÀI LIỆU TRÍCH DẪN**

1. Cục Thống kê TPHCM. 2015. Số liệu thống kê ngành công nghiệp của huyện Bình Chánh năm 2015. [http://www.pso.hochiminhcity.gov.vn/c/document\\_library/get\\_file?uuid=7311d5ad-c5a4-4383-8fb4-36c209afa120&groupId=18](http://www.pso.hochiminhcity.gov.vn/c/document_library/get_file?uuid=7311d5ad-c5a4-4383-8fb4-36c209afa120&groupId=18).
2. Nguyễn Hải Bắc. 2010. *Nghiên cứu vấn đề phát triển bền vững công nghiệp tỉnh Thái Nguyên*. Luận án tiến sĩ Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
3. Nguyễn Tấn Tụy. 2008. *Quá trình đô thị hóa huyện Bình Chánh TPHCM (1986-2003)*. Luận văn thạc sĩ Trường Đại học Sư phạm TPHCM.
4. Trần Thị Nhung, Võ Dao Chi. 2013. “Phát triển bền vững – Lý thuyết và nghiên cứu thực nghiệm ở Nam Bộ và Việt Nam”. *Tạp chí Khoa học Xã hội*, số 1(173).
5. Ủy ban Nhân dân huyện Bình Chánh. *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội của huyện Bình Chánh năm 2013*.